

Phụ lục

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày / /2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dư nợ đầu kỳ (ngày 01 tháng 01)	Vay trong kỳ	Trả nợ trong năm			Dư nợ cuối kỳ (ngày 31 tháng 12)	Ghi chú
				Gốc	Lãi/phí	Tổng		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=1+2-3	7
	Tổng số	132.950.334.630	8.779.245.512	10.032.919.974	3.011.818.885	13.044.738.859	131.696.660.168	
I	Vay phát hành trái phiếu chính quyền địa phương					-	-	
II	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước					-	-	
III	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	-	-	-	-	-	-	
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)					-	-	
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng (2)					-	-	
IV	Vay lại vốn vay nước ngoài (3)	132.950.334.630	8.779.245.512	10.032.919.974	3.011.818.885	13.044.738.859	131.696.660.168	
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại 21 tỉnh	14.573.229.528		1.082.001.395	339.789.839	1.421.791.234	13.491.228.133	(Số liệu vay lại vốn vay nước ngoài tạm thời tính đến ngày 05/3/2024; số chính thức năm 2023 địa phương sẽ báo cáo kèm theo mẫu biểu quyết toán 2023 theo quy định)
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	14.614.956.056	4.047.270.000	964.587.100	402.784.929	1.367.372.029	17.697.638.956	
3	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới	96.622.759.245	2.918.092.512	7.395.415.474	2.110.816.512	9.506.231.986	92.145.436.283	
4	Dự án Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	7.139.389.801	1.813.883.000	590.916.005	158.427.605	749.343.610	8.362.356.796	
V	Vay các tổ chức khác (2)					-	-	

Ghi chú:

- (1) Không bao gồm các khoản vay lại vốn vay nước ngoài ủy thác qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- (2) Chi tiết theo các tổ chức cho vay.
- (3) Bao gồm các khoản vay lại vốn vay nước ngoài ủy thác qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam.